

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2021/HSST
Ngày 11-05-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến, nơi công tác: Trạm trưởng trạm y tế thị trấn Diêm Điền và ông Hoàng Văn Tuấn, nơi công tác: Phó bí thư đoàn thanh niên huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST – HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy H**; Sinh ngày 27/6/1996; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn LT, xã T Tr, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Nguyễn Duy M, sinh năm 1952; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1952, lao động tự do và sinh sống tại thôn LT, xã TT, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Bị cáo chưa có vợ con. Ngày 04/7/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Gây rối trật tự công cộng" (bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án). Tiền án: Không; Tiền sự: 01. Ngày 15/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 27/5/2020 đã chấp hành xong Quyết định trên; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/12/2020 – *Có mặt tại phiên tòa*

**** Bị hại***

- Chị Lò Thị H, sinh năm 1984 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn DT, xã HD, huyện TT, Thái Bình

- Anh Ngô Văn A, sinh năm 1980 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: tổ dân phố BT, thị trấn D Đ, huyện TT, Thái Bình
- Anh Đoàn Duy Ph, sinh năm 1969 – *Có mặt*
Địa chỉ: thôn TT, xã HD, huyện TT, tỉnh Thái Bình
- Chị Đoàn Thị Q, sinh năm 1971 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: thôn TH, xã TB, huyện TT, tỉnh Thái Bình
- Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1966 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: thôn TH, xã TB, huyện TT, tỉnh Thái Bình
- Bà Đào Thị Nh, sinh năm 1955 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: thôn AD, xã TV, huyện TT, tỉnh Thái Bình
- Chị Tạ Thị Y, sinh năm 1985 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: thôn ST3, xã TT, huyện TT, tỉnh Thái Bình
- Ông Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1954 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: thôn ĐH, xã TP, huyện TT, tỉnh Thái Bình
- Ông Đàm Đức Tr, sinh năm 1969 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: thôn RP, xã DP, huyện TT, Thái Bình
- Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1977 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: thôn HT, xã TD, huyện TT, Thái Bình
- Bà Giang Thị Th, sinh năm 1954 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: thôn ĐH, xã TĐ, huyện TT, Thái Bình
- * *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: tổ dân phố số 8, thị trấn D Đ, huyện TT, Thái Bình
- Anh Giang Anh S, sinh năm 1978 – *Có mặt*
Địa chỉ: tổ dân phố số 1, thị trấn D Đ, huyện TT, Thái Bình
- Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1971 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: tổ dân phố số 1, thị trấn D Đ, huyện TT, Thái Bình
- Anh Trung Quang Chính, sinh năm 1976 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: thôn An Ninh, xã Thụy Bình, huyện TT, Thái Bình
- Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1989 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: tổ dân phố số 6, thị trấn D Đ, huyện TT, Thái Bình
- Anh Lê Văn Kiên, sinh năm 1989 – *Vắng mặt*
Địa chỉ: thôn T, xã TL, huyện TT, Thái Bình

- Anh Nguyễn Như Kh, sinh năm 1975 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn PL, xã TP, huyện TT, tỉnh Thái Bình

- Anh Vũ Trọng Ph, sinh năm 1965 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn PL, xã TP, huyện TT, tỉnh Thái Bình

** Người làm chứng*

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn TH, xã TB, huyện TT, tỉnh Thái Bình

- Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1965 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn T, xã HD, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Khoảng 08 giờ ngày 02/12/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô mô tô Jupiter Gravita màu đen gắn biển kiểm soát 15H1 - 046.28 đến nhà chị Lò Thị H ở xã HD phát hiện không có ai ở nhà, bị cáo dùng thanh sắt mang theo phá khóa cửa cổng, cửa nhà, vào nhà trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu LG 49 inch màn hình phẳng, mỏng. Cùng ngày, bị cáo bán ti vi trên cho anh Nguyễn Văn H lấy 2.000.000 đồng, số tiền này bị cáo đã chi tiêu hết cho bản thân. Trị giá tài sản trộm cắp định giá là 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*). Anh H đã bán tài sản này cho người không quen biết tên, tuổi, địa chỉ với giá 2.000.000 đồng. Chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tivi là 8.100.000 đồng.

2. Khoảng 08 giờ ngày 03/12/2020 bị cáo điều khiển xe mô tô đến nhà anh Ngô Văn A ở thị trấn D Đ phát hiện trong nhà không có ai. Bị cáo dùng thanh sắt mang theo phá khóa cổng, khóa cửa rồi đi vào trong nhà lấy 01 ti vi Sam sung 50 inch màn hình phẳng, mỏng để trên kệ tại phòng khách nhà anh A. Cùng ngày bị cáo bán ti vi trên cho anh Giang Anh S lấy 2.500.000 đồng, số tiền này bị cáo đã chi tiêu hết cho bản thân. Trị giá tài sản trộm cắp định giá là 9.600.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng*). Anh Sóng đã bán ti vi này cho người khách không biết tên, tuổi địa chỉ với giá là 2.500.000 đồng. Anh A yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tivi là 9.600.000 đồng

3. Khoảng 08 giờ 00 ngày 07/12/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô đến nhà ông Đoàn Duy Ph ở xã HD phát hiện trong nhà không có ai, bị cáo dùng thanh sắt mang theo phá khóa cổng, khóa cửa lách rồi đi vào trong nhà lấy 01 ti vi nhãn hiệu LG 49 inch màn hình phẳng, mỏng để trên kệ tại phòng khách nhà ông Ph. Thanh sắt bị cáo để ở cửa lách nhà ông Ph. Cùng ngày bị cáo bán ti vi trên cho anh Nguyễn Xuân H lấy 1.500.000 đồng. Trị giá tài sản trộm cắp định giá là 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*). Anh H đã bán lại tivi cho người khách không biết tên, tuổi, địa chỉ

với giá là 1.500.000 đồng. Ông Ph yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản là 8.500.000 đồng.

4. Đến khoảng 13 giờ 30 cùng ngày 07/12/2020, bị cáo tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà bà Đoàn Thị Q ở xã TB phát hiện trong nhà không có ai. Bị cáo dùng thanh sắt mang theo phá khóa cổng, khóa cửa nhà rồi đi vào trong nhà lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG màn hình cảm ứng để trên giường trong phòng khách; 01 máy cắt bàn sắt nhãn hiệu KAINUO để ở gần cửa ra vào hướng Tây gian nhà. Bị cáo bán chiếc điện thoại cho một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ ở T T với giá 200.000 đồng. Chiếc máy cắt sắt bị cáo bán cho anh Trung Quang Ch ở xã TB với giá 400.000 đồng. Trị giá tài sản trộm cắp định giá là 1.850.000 đồng (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Toàn bộ số tiền này bị cáo đã chi tiêu hết cho bản thân. Chiếc máy cắt đã được anh Ch giao nộp, bà Q đã nhận lại máy cắt này, bà Q yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc điện thoại là 400.000 đồng; Anh Ch yêu cầu bị cáo hoàn trả lại 400.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản trộm cắp trong ngày 07/12/2020 định giá là 10.350.000 đồng (*Mười triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

5. Khoảng 13 giờ 30 ngày 09/12/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô đến nhà ông Nguyễn Văn N ở xã TB phát hiện trong nhà không có ai, bị cáo dùng thanh sắt mang theo phá khóa cổng nhà rồi đi vào sân lấy 02 bao cám thức ăn cho gia cầm loại F649 có trọng lượng 40kg/bao để ở hiên nhà. Bị cáo chở 02 bao cám trên bán cho một người đàn ông không quen biết ở xã TL với giá 400.000 đồng. Trị giá tài sản trộm cắp định giá là 520.000 đồng (*Năm trăm hai mươi nghìn đồng*). Ông N yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị hai bao cám là 520.000 đồng

6. Khoảng 14 giờ 30 cùng ngày 09/12/2020, bị cáo tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà bà Đào Thị Nh ở xã TV phát hiện trong nhà không có ai, bị cáo dùng thanh sắt mang theo phá khóa cửa nhà rồi đi vào trong nhà lấy 02 bao thóc nếp để ở cửa ra vào rồi đem ra chợ Gi thuộc xã TV bán cho một người phụ nữ không biết tên tuổi với giá 960.000 đồng. Sau đó, bị cáo quay lại nhà bà Nh chở tiếp 02 bao thóc nếp ra chợ Gi bán cho người phụ nữ trên với giá 960.000 đồng. Bị cáo tiếp tục quay lại nhà bà Nh lấy 02 bao thóc tẻ bán với giá 640.000 đồng cho người phụ nữ ở chợ Gi. Trị giá tài sản trộm cắp định giá là 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*). Toàn bộ số tiền bán cám và thóc, bị cáo đã chi tiêu hết cho bản thân. Bà Đào Thị Nh yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số 4 bao thóc nếp và 02 bao thóc tẻ là 2.800.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp trong ngày 09/12/2020 định giá là 3.320.000 đồng (*Ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

7. Khoảng 14 giờ 30 ngày 10/12/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô đến nhà chị Tạ Thị Y ở xã TT phát hiện trong nhà không có ai, cổng và cửa nhà chị Y không khóa, chỉ cài then. Bị cáo mở cửa cổng, cửa đi vào trong nhà lấy 01 chiếc máy tính xách tay nhãn

hiệu HP 15s-du 0063 TU; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu oppo A3S, màu tím; 01 chiếc điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu ITELL màu đen để trên bàn trong gian buồng ngủ. Cùng ngày bị cáo bán điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP 15s-du 0063 TU cho anh Nguyễn Hữu S ở thị trấn Diêm Điền với giá 3.700.000 đồng. Số tiền này bị cáo đã chi tiêu hết cho bản thân. Chiếc điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu ITELL, bị cáo để sử dụng cá nhân. Trị giá tài sản trộm cắp định giá là 13.650.000 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị Y đã nhận lại toàn bộ tài sản do anh Sơn và bị cáo giao nộp. Anh S đã nhận lại số tiền hoàn trả là 3.500.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

8. Khoảng 07 giờ 30 ngày 14/12/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô đến nhà ông Đặng Ngọc Đ ở xã TP phát hiện trong nhà không có ai, bị cáo dùng thanh sắt mang theo phá khóa cổng, khóa cửa đi vào trong nhà lấy 01 chiếc ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu Sony loại 32 inch, màu đen loại KDL- 32R300B ở phòng khách; 01 chiếc lò vi sóng nhãn hiệu Sam Sung Model: ME731K để phòng bếp. Cùng ngày bị cáo bán ti vi và lò vi sóng trên cho anh Lê Văn K ở xã Thụy L với giá 1.000.000 đồng, số tiền này bị cáo đã chi tiêu hết cho bản thân. Trị giá tài sản trộm cắp định giá là 3.100.000 đồng (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*). Ông Đ đã nhận lại toàn bộ tài sản do anh K giao nộp. Anh K yêu cầu bị cáo hoàn trả 1.000.000 đồng.

9. Khoảng 09 giờ ngày 14/12/2020, bị cáo tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà ông Đàm Đức Tr ở xã DP phát hiện trong nhà không có ai, bị cáo dùng thanh sắt mang theo phá khóa cổng, khóa cửa. Bị cáo mở cửa đi vào trong nhà lấy 01 ti vi nhãn hiệu Panasonic 43 inch ở phòng khách. Cùng ngày bị cáo bán ti vi trên cho anh Lê Văn K ở xã TL với giá 400.000 đồng, số tiền này bị cáo đã chi tiêu hết cho bản thân. Trị giá tài sản trộm cắp định giá là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Ông Đàm Đức Tr đã nhận lại tài sản do anh K giao nộp. Anh K yêu cầu bị cáo hoàn trả 400.000 đồng

10. Khoảng 16 giờ ngày 14/12/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô đến nhà anh Bùi Văn Đ ở xã TD phát hiện trong nhà không có ai, bị cáo dùng thanh sắt mang theo phá khóa cổng, khóa cửa. Bị cáo mở cửa đi vào trong nhà lấy 01 ti vi nhãn hiệu Sony 40 inch ở phòng khách. Bị cáo vứt thanh sắt tại vườn nhà anh Đ. Sau đó bị cáo chở ti vi trên đến bán cho anh Nguyễn Như Kh ở xã TP với giá 300.000 đồng. Sau khi bán ti vi, bị cáo quay lại nhà anh Đ lấy 01 lồng inox trong đó có 05 con mèo cảnh lông dài (01 mèo mẹ và 04 mèo con). Bị cáo bán 05 con mèo trên cho anh Vũ Trọng Ph ở xã TP với giá 800.000 đồng, số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Trị giá tài sản trộm cắp định giá là 4.300.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm nghìn đồng*). Anh Đ đã nhận lại tài sản do anh Kh và anh Ph giao nộp. Anh Kh yêu cầu bị cáo hoàn trả 300.000 đồng; anh Ph yêu cầu bị cáo hoàn trả 800.000 đồng.

11. Khoảng 07 giờ ngày 16/12/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô đến nhà bà Giang Thị Th ở xã TĐ phát hiện trong nhà không có người, bị cáo mở cổng, để xe máy ở ngoài đường và dùng thanh sắt phá khóa cửa. Bị cáo mở cửa đi vào đến kệ để chiếc ti vi nhãn hiệu LG màn hình phẳng, màu đen, loại 43 inch model 43LJ553T-TC, rút các dây cắm ti vi rồi bê ra để lên xe. Bị cáo điều khiển xe đi về hướng thị trấn D Đ, khi đi đến địa phận tổ dân phố số 1 thuộc thị trấn D Đ thì gặp lực lượng Công an đang làm nhiệm vụ, bị cáo hoảng sợ, làm rơi ti vi vừa trộm cắp xuống đường rồi điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Đến 09 giờ cùng ngày, Cơ quan điều tra triệu tập bị cáo đến làm việc. Trị giá tài sản trộm cắp định giá là 3.900.000 đồng (*Ba triệu chín trăm nghìn đồng*). Bà Giang Thị Th đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm

- Bản kết luận định giá tài sản số 01/BB-ĐG ngày 17/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy; Bản kết luận định giá tài sản số 06/KLĐG - HĐĐG ngày 27/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy xác định trị giá các tài sản tại thời điểm bị xâm hại như sau: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu LG màn hình phẳng, màu đen, loại 43 inch model 43LJ553T-TC cũ của bà Giang Thị Th có giá trị là 3.900.000 đồng; 01 ti vi nhãn hiệu LG 49 inch màn hình phẳng, mỏng đã qua sử dụng của chị Lò Thị H có giá trị 8.100.000 đồng (ngày 02/12/2020 tại nhà chị Lò Thị Hương; 01 chiếc ti vi màn hình phẳng, led nhãn hiệu Sam sung UASORU 7400 loại 50 icnh có số Imel đã qua sử dụng của anh Ngô Văn A có giá trị 9.600.000 đồng; 01 chiếc ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu LG loại 49 icnh, 49UK7500PTA, 903 INUB2K718 đã qua sử dụng của ông Đoàn Duy Ph có giá trị 8.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG màn hình cảm ứng, màu trắng đã qua sử dụng đã qua sử dụng của bà Đoàn Thị Q có giá trị 400.000 đồng; 01 máy cắt bàn sắt nhãn hiệu KAINUO, đã qua sử dụng của bà Đoàn Thị Q có giá trị 1.450.000 đồng; Tài sản trộm cắp của ông Nguyễn Văn N: 02 bao cám hỗn hợp cho gia cầm, trọng lượng 40kg/bao có giá trị 520.000 đồng, 02 bao thóc BC trọng lượng 80 kg có giá trị 720.000 đồng, 04 bao thóc nếp trọng lượng 160 kg có giá trị 2.080.000 đồng; Tài sản trộm cắp của chị Tạ Thị Y: 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu HP 15s-du 0063 TU đã qua sử dụng có giá trị 11.800.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu opop A3S, màu tím đã qua sử dụng có giá trị 1.700.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu ITELL, màu đen đã qua sử dụng có giá trị 150.000 đồng; Tài sản trộm cắp nhà ông Đặng Ngọc Đ: 01 chiếc ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu Sony loại 32 icnh, màu đen loại KDL- 32R300B đã qua sử dụng có giá trị 1.600.000 đồng; 01 chiếc lò vi sóng nhãn hiệu Sam Sung Model: ME731K, đã qua sử dụng có giá trị 1.500.000 đồng; 01 chiếc ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu Panasonic loại 43 icnh, đã qua sử dụng của anh Đàm Đức Tr có giá trị 6.000.000 đồng; Tài sản trộm cắp nhà anh Bùi Văn Đ: 01 chiếc ti vi màn hình phẳng, led nhãn hiệu Sony loại 40 icnh, Model 40R350D đã qua sử dụng có giá trị 1.800.000 đồng; 01 con mèo mệ loại mèo cảnh lông trắng

(loại mèo Anh lông dài) có giá trị 1.300.000 đồng; 04 con mèo con loại mèo cảnh lông trắng (loại mèo Anh lông dài) có giá trị 1.200.000 đồng.

Cáo trạng số 32/CT-VKSTT, ngày 30/3/2021; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố các bị cáo Vũ Duy H tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù giam, không đề nghị hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 Bộ Luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho chị Lò Thị H 8.100.000 đồng; bồi thường cho anh Ngô Văn A số tiền 9.600.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Văn N số tiền 520.000 đồng; bồi thường cho bà Đào Thị Nh số tiền 2.800.000 đồng; bồi thường cho ông Đoàn Duy Ph số tiền 8.500.000 đồng; Bà Đoàn Thị Q 400.000 đồng; Buộc bị cáo phải hoàn trả cho Lê Văn K 1.400.000 đồng; cho anh Nguyễn Như Kh 300.000 đồng, cho anh Trung Quang Ch 400.000 đồng, cho anh Vũ Trọng Ph 800.000 đồng; Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật hình sự xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước xe mô tô Jupiter Gravita màu đen gắn biển kiểm soát 15H1 - 046.28; tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng đã thu giữ. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và 1.641.000 đồng án phí dân sự;

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến gì về tội danh, điều luật, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất, cho các bị cáo được hưởng án treo. Nói lời sau cùng, các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi vi phạm pháp luật của của bản thân và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo đã lợi dụng sở hữ trong quản lý tài sản của người dân đã 11 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Lời khai nhận tội của các bị

cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản số 01/BB-ĐG ngày 17/12/2020 và Bản kết luận định giá tài sản số 06/KLĐG - HĐĐG ngày 27/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy, biên bản khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu biên bản trích sao dữ liệu camera và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không lao động để tạo thu nhập hợp pháp, mục đích của việc trộm cắp tài sản là để bán lấy tiền chi tiêu sinh hoạt cho bản thân; tất cả các lần trộm cắp đều dùng chung cách thức là dùng thanh sắt phá khóa cửa để tiếp cận tài sản và chiếm đoạt tài sản; tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp là 62.320.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*
- b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*
- d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;*
- đ) Tài sản là di vật, cổ vật.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;*
- đ) Hành hung để tẩu thoát;*
- e) Tài sản là bảo vật quốc gia;*
- g) Tái phạm nguy hiểm.*

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;
- b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

- a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;
- b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo xuất trình chứng cứ có bố đẻ là ông Nguyễn Duy M có thành tích là thương bị loại A, thương tật 4/4; có Bằng khen quân giải phóng Miền Nam Việt Nam, Huy chương chiến sĩ vẻ vang; Huân chương chiến sĩ giải phóng nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

[4] Bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe có điều kiện để lao động sản xuất tạo thu nhập hợp pháp nhưng bị cáo đã không chịu lao động; để có tiền chi tiêu sinh hoạt bị cáo đã liên tiếp thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản của người dân trên địa các xã trong huyện, hành vi của bị cáo gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có 01 tiền sự - nhân thân xấu nên cần áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt hình phạt tù giam với mức hình phạt tương xứng và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Trong vụ án này Anh Nguyễn Văn H, Giang Anh S, Nguyễn Xuân H (C), anh Trung Quang Ch, anh Nguyễn Hữu S, anh Lê Văn K, anh Nguyễn Như Kh, anh Vũ Trọng Ph là người mua lại tài sản của bị cáo, nhưng khi mua bị cáo đều nói là tài sản của gia đình đem đi bán đều không biết nguồn gốc tài sản, không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với họ là phù hợp với quy định của pháp luật; Chiếc điện thoại di động LG bị cáo lấy của bà Đoàn Thị Q bán cho người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ ở T T; Hai bao cám lấy của ông Nguyễn Văn N bán cho người đàn ông không quen biết ở TL; 4 bao thóc nếp và 2 bao thóc tẻ trộm cắp tại bà Đào Thị Nh bán cho người phụ nữ không quen biết ở chợ Giành; các tài sản này không thu hồi được, không có cơ sở để xử lý đối với người mua tài sản của bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

[5.1]. Bị hại là Bà Giang Thị Th, chị Tạ Thị Y, ông Đặng Ngọc Đ, ông Đàm Đức Tr, anh Bùi Văn Đ đã nhận được tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự đối với bà Th, chị Y, ông Đ, anh Tr, anh Đ đã được giải quyết xong.

[5.2] Bị hại là chị Lò Thị H, anh Ngô Văn A, ông Nguyễn Văn N, bà Đào Thị Nh, ông Đoàn Duy Ph, bà Đoàn Thị Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản đã mất. Yêu cầu này của các bị hại là phù hợp nên áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ Luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lò Thị H 8.100.000 đồng; bồi thường cho anh Ngô Văn A 9.600.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 520.000 đồng; bồi thường cho bà Đào Thị Nh 2.800.000 đồng; bồi thường cho ông Đoàn Duy Ph 8.500.000 đồng; Bà Đoàn Thị Q đã nhận lại 01 máy cắt, buộc bị cáo bồi thường cho bà Q giá trị chiếc điện thoại nhãn hiệu LG giá trị 400.000 đồng.

[5.3] Các anh Lê Văn K; Nguyễn Như Kh, Trung Quang Ch, Vũ Trọng Ph là những người mua lại tài sản của bị cáo và đều giao nộp trả lại cho bị hại và yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bỏ ra mua tài sản, yêu cầu này phù hợp với Điều 584, 585, 589 Bộ Luật dân sự nên chấp nhận, Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh K 1.400.000 đồng; bồi thường cho anh Kh 300.000 đồng; bồi thường cho anh Ch 400.000 đồng; bồi thường cho anh Ph 800.000 đồng.

[5.4] Anh Nguyễn Hữu S là người mua lại 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu HP 15s-du 0063 TU; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu opop A3S mà bị cáo trộm cắp của chị Tạ Thị Y với giá là 3.700.000 đồng của . Anh S đã giao nộp lại tài sản trả lại cho chị Y và nhận 3.500.000 đồng hoàn trả của gia đình bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự đối với anh Nguyễn Hữu S đã được giải quyết xong.

[6].Xử lý vật chứng:

[6.1] Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy quản lý: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu LG màn hình phẳng, màu đen, loại 43 inch model 43LJ553T-TC; 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu HP 15s-du 0063 TU; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu oppo A3S, màu tím; 01 chiếc điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu ITELL, màu đen; 01 chiếc ti vi mà hình phẳng nhãn hiệu Sony loại 32 icnh, màu đen loại KDL- 32R300B; 01 chiếc lò vi sóng nhãn hiệu Sam Sung Model: ME731K; 01 máy cắt bàn sắt nhãn hiệu KAINUO; 01 chiếc ti vi mà hình phẳng nhãn hiệu Panasonic loại 43 icnh; 01 chiếc ti vi mà hình phẳng, led nhãn hiệu Sony loại 40 icnh, Model40R350D đều đã qua sử dụng; 01 con mèo mẹ loại mèo cảnh lông trắng (loại mèo anh lông dài); 04 con mèo con loại mèo cảnh lông trắng (loại mèo anh lông dài) do Nguyễn Hữu S, Lê Văn K; Nguyễn Như Kh, Trung Quang Ch, Vũ Trọng Ph giao nộp. Trong quá trình điều tra, Cơ quan

điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho những người bị hại là bà Giang Thị Th, Tạ Thị Y, ông Đặng Ngọc Đ, ông Đàm Đức Tr, bà Đoàn Thị Quý, anh Bùi Văn Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.2] 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter Gravita màu đen gắn biển kiểm soát 15H1 - 046.28 là phương tiện để bị cáo dùng để đi trộm cắp tài sản nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 khóa viết tiếp móc chữ U phần móc bằng kim loại màu trắng, phần thân khóa bằng kim loại màu đen, mặt trước khóa có chữ Việt Tiệp, mặt sau khóa có chữ Lock; 01 thanh sắt xoắn phi 18 bằng kim loại dài 51 cm, trên thanh kim loại có chữ UC-CB3; 01 thanh sắt xoắn phi 16 bằng kim loại dài 45cm, tất cả đều đã qua sử dụng là những vật không có giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (được tính bằng 5% nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan = $32.820.000 \times 5\% = 1.641.000$ đồng)

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50; điểm a khoản 1 Điều 47; Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Mục I danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 3 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam, giữ là ngày 17/12/2020

Xử phạt bổ sung 5.000.000 (*Năm triệu đồng*) đồng đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là Bà Giang Thị Th, chị Tạ Thị Y, ông Đặng Ngọc Đ, ông Đàm Đức Tr, anh Bùi Văn Đ đã nhận được tài sản bị mất và không yêu cầu bị can phải bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự đối với bà Th, chị Y, ông Đ, anh Tr, anh Đ đã được giải quyết xong.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lò Thị H 8.100.000 đồng; bồi thường cho anh Ngô Văn A 9.600.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 520.000 đồng; bồi thường cho bà Đào Thị Nh 2.800.000 đồng; bồi thường cho ông Đoàn Duy Ph 8.500.000 đồng; bồi thường cho bà Q 400.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Văn K 1.400.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Như Kh 300.000 đồng; bồi thường cho anh Trung Quang Ch 400.000 đồng; bồi thường cho anh Vũ Trọng Ph 800.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter Gravita màu đen gắn biển kiểm soát 15H1 - 046.28.

- Tịch thu tiêu hủy 01 khóa việt tiếp móc chữ U phần móc bằng kim loại màu trắng, phần thân khóa bằng kim loại màu đen, mặt trước khóa có chữ Việt Tiệp, mặt sau khóa có chữ Lock; 01 thanh sắt xoắn phi 18 bằng kim loại dài 51 cm, trên thanh kim loại có chữ UC-CB3; 01 thanh sắt xoắn phi 16 bằng kim loại dài 45cm.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 30/3/2021)

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 1.641.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Thụy Liên, UBND xã Dương

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phúc

- UBND thị trấn Diêm Điền
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hương Lan